



Tài liệu

SINH HOẠT CHI ĐOÀN

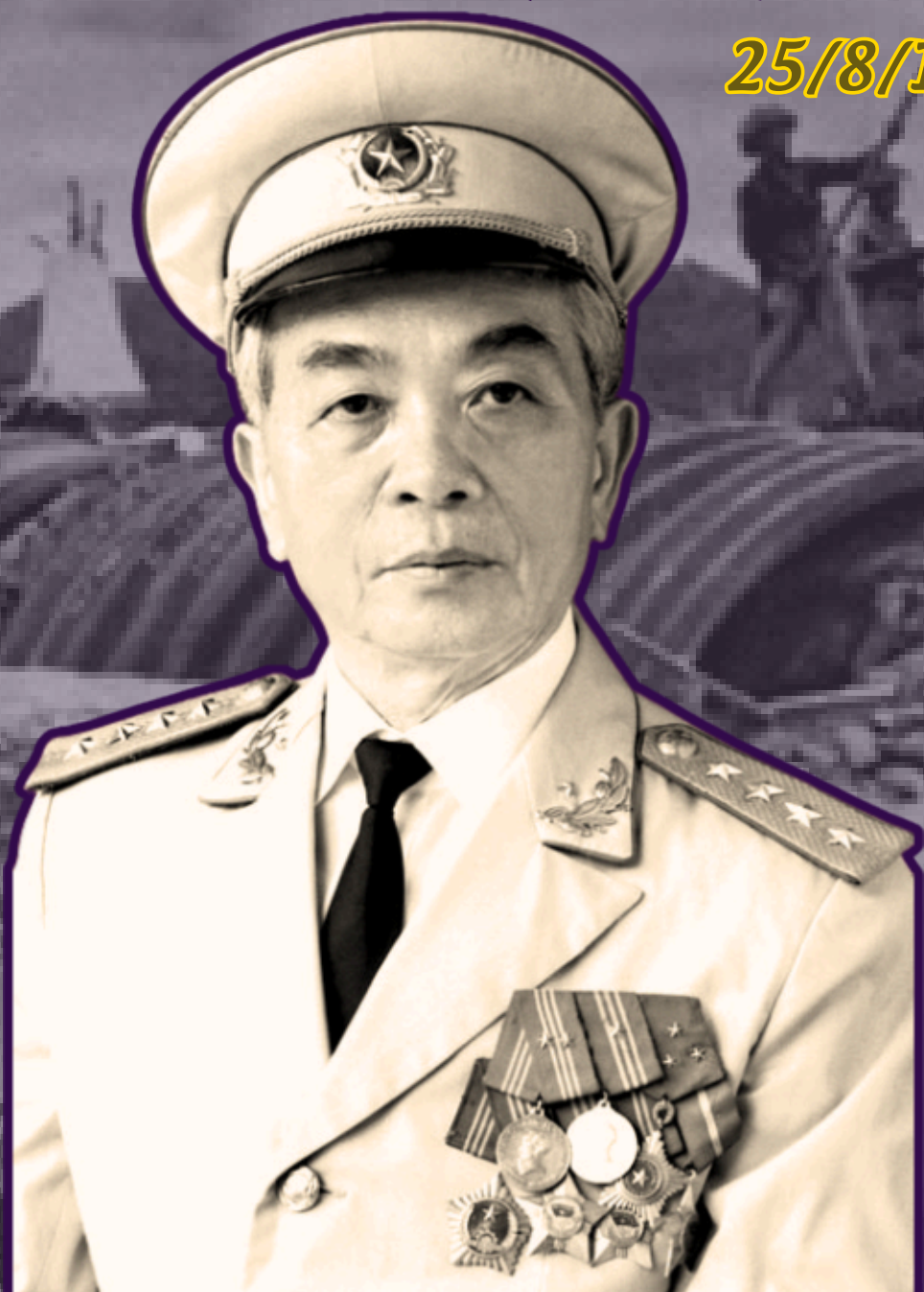
ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TỈNH CAO BẰNG

Tháng 8 năm 2026

KỶ NIỆM 115 NĂM

NGÀY SINH ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP

25/8/1911 - 25/8/2026



XEM ĐẦY ĐỦ TÀI LIỆU TẠI ĐÂY

A. Theo dòng lịch sử

01/8

Kỷ niệm 96 năm Ngày truyền thống ngành Tuyên giáo của Đảng (01/8/1930 - 01/8/2026)

08/8

Kỷ niệm 59 năm Ngày Thành lập Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á - ASEAN (08/8/1967 - 08/8/2026)

10/8

Kỷ niệm 65 năm Ngày Vì nạn nhân chất độc da cam Việt Nam (10/8/1961 - 10/8/2026)

12/8

Ngày Quốc tế Thanh niên

15/8

Kỷ niệm 81 năm Ngày truyền thống ngành Bưu điện (15/8/1945 - 15/8/2025)

19/8

- Kỷ niệm 81 năm Ngày Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2026)
- Kỷ niệm 81 năm Ngày truyền thống lực lượng Công an nhân dân (19/8/1945 - 19/8/2026)

20/8

Kỷ niệm 138 năm Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20/8/1888 - 20/8/2026)

25/8

Kỷ niệm 115 năm Ngày sinh Đại tướng Võ Nguyên Giáp (25/8/1911 - 25/8/2026)

28/8

- Kỷ niệm 81 năm thành lập ngành Ngoại giao Việt Nam (28/8/1945-28/8/2026).
- Kỷ niệm 81 năm Ngày Truyền thống ngành Thông tin và Truyền thông Việt Nam (28/8/1945-28/8/2026).

30/8

Kỷ niệm 109 năm Khởi nghĩa Thái Nguyên (30/8/1917 - 3/8/2026)

B. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

CÂU CHUYỆN VỀ BÁC:

“NGUYỄN ÁI QUỐC VỀ NƯỚC TRỰC TIẾP LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG, CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN CHO THẮNG LỢI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945”



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà ngày 2-9-1945

Cuối những năm 30 thế kỷ XX, tình hình thế giới và Đông Dương có những chuyển biến lớn, phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam đang phát triển mạnh. Nguyễn Ái Quốc nhận thấy đây là cơ hội thuận lợi để Việt Nam đấu tranh giành quyền độc lập, do đó Người đã gấp rút chuẩn bị về nước thực hiện khát vọng đã ấp ủ từ năm 1923: “trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”. Đầu năm 1940, với các bí danh “Hồ Quang”, “ông Trần”, Nguyễn Ái Quốc đến Côn Minh, thủ phủ của tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), bắt liên lạc với các đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương đang hoạt động tại đây như: Vũ Anh (Trịnh Đông Hải), Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp, chuẩn bị điều kiện về nước hoạt động.

Tháng 6-1940, Nguyễn Ái Quốc (bí danh là Vương) bắt liên lạc và cử hai đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp (vừa từ trong nước sang) đi học trường Quân chính của Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Diên An. Ngay sau đó, được tin quân Đức tràn vào Paris, Nguyễn Ái Quốc yêu cầu Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp không đi Diên An nữa, mà chuẩn bị về nước hoạt động.

Tháng 10-1940, “được tin hơn 40 thanh niên Cao Bằng vượt biên giới sang Quảng Tây (Trung Quốc) lánh địch khủng bố, Nguyễn Ái Quốc chỉ thị cho các đồng chí cùng hoạt động “tổ chức một lớp huấn luyện cho các anh em, sau đó, đưa anh em trở về củng cố và mở rộng phong trào ở Cao Bằng và tổ chức đường liên lạc về nước”.

Đầu tháng 1-1941, Nguyễn Ái Quốc về sát biên giới Việt-Trung. Tại Tĩnh Tây, Người đã gặp và chỉ thị cho đồng chí Hoàng Văn Thụ (do Trung ương lâm thời cử sang) về việc chuẩn bị tổ chức cuộc hội nghị toàn quốc của Đảng. Trước khi vượt biên giới về nước, Người tiến hành huấn luyện cho hơn 40 thanh niên Cao Bằng tại làng Nậm Quang (Tĩnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc). Người trực tiếp biên soạn tài liệu huấn luyện, sau này được in thành sách Con đường giải phóng. Nội dung gồm: Đường lối, nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới; chủ trương, nhiệm vụ, hình thức tổ chức, phương thức hoạt động, phương pháp công tác của cán bộ Mặt trận Việt Minh. Đây là lớp huấn luyện cán bộ đầu tiên cho phong trào Việt Minh ở Cao Bằng. Các đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Phùng Chí Kiên, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, trực tiếp giảng dạy. Sau huấn luyện, hơn 40 cán bộ với nhiệt huyết cách mạng sôi sục, được trang bị thêm kiến thức cách mạng, đã trở về quê hương gây dựng những đoàn thể cứu quốc đầu tiên của cả nước.

Ngày 28-1-1941, sau 30 năm xa Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí Phùng Chí Kiên, Lê Quảng Ba, Thế Anh, Đặng Văn Cáp, rời Trung Quốc trở về Việt Nam qua cột mốc 108 trên biên giới Việt-Trung, thuộc xã Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng. Ngay sau khi về nước, Người đã cùng với Trung ương Đảng tập trung lãnh đạo nhân dân cả nước chuẩn bị mọi điều kiện tiến tới khởi nghĩa giành lại nền độc lập dân tộc.

Một là, cùng với Trung ương Đảng hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc

Từ ngày 10 đến 19-5-1941, tại Khuổi Nặm, làng Cốc Bó, xã Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng, Nguyễn Ái Quốc chủ trì HNTƯ 8. Hội nghị nhận định về tình hình thế giới hiện tại và dự đoán “cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, sẽ do đó mà cách mạng nhiều nước thành công”. Là một bộ phận của thế giới đang diễn ra chiến tranh, Đông Dương bị đặt dưới ách thống trị của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật đã rơi vào thảm cảnh: “Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”. Từ cách nhìn khách quan đó, Hội nghị đưa ra nhiều giải pháp mới về vấn đề dân tộc nhằm đáp ứng yêu cầu khẩn cấp của vận mệnh dân tộc và nguyện vọng khát khao nhất của nhân dân: “Trong lúc này khẩu hiệu của Đảng ta là trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp-Nhật”. Trên cơ sở đó, Hội nghị quyết định: “Cần phải thay đổi chiến lược”, coi nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trước tiên, chưa đưa ra khẩu hiệu cách mạng ruộng đất như Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra từ năm 1930. Từ đây, cách mạng Đông Dương được gọi là cách mạng giải phóng dân tộc.

Hai là, xây dựng Mặt trận Việt Minh, chuẩn bị lực lượng chính trị

Thành lập Mặt trận Việt Minh là một sáng kiến lớn của Nguyễn Ái Quốc, như Võ Nguyên Giáp đã viết: “Trong những ngày ở Quế Lâm, có lần Bác bàn với chúng tôi: Trong tình hình mới, vấn đề đoàn kết toàn dân giải phóng dân tộc càng quan trọng. Ta phải nghĩ đến việc lập một hình thức mặt trận thật rộng rãi, có tên gọi cho thích hợp. Việt Nam giải phóng đồng minh? Việt Nam phản đế đồng minh? hay là Việt Nam độc lập đồng minh? có thể gọi tắt là Việt Minh cho nhân dân dễ nhớ”. Nhiệm vụ trên được thực hiện thí điểm thành công tại ba châu: Hà Quảng, Hòa An và Nguyên Bình thuộc Cao Bằng. Trên cơ sở đó, HNTW 8 của Đảng Cộng sản Đông Dương đã quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh).

Mặt trận Việt Minh được tổ chức và hoạt động trên những quan điểm, nguyên tắc được quy định tại: “Tuyên ngôn”, “Chương trình” và “Điều lệ”. Trong đó, “Tuyên ngôn” nhấn mạnh: “Coi quyền lợi dân tộc cao hơn hết thảy, Việt Minh sẵn sàng giơ tay đón tiếp những cá nhân hay đoàn thể, không cứ theo chủ nghĩa quốc tế hay quốc gia, miễn thành thực muốn đánh đuổi Nhật, Pháp để dựng lên một nước Việt Nam tự do và độc lập”. Chương trình nêu rõ: “Việt Minh chủ trương liên hiệp hết các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể cách mạng, các dân tộc bị áp bức ở Đông Dương, đặng đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, làm cho nước Việt Nam và cả xứ Đông Dương được hoàn toàn độc lập. Việt Minh hết sức giúp cho dân Miên và dân Lào thành lập “Cao Miên độc lập đồng minh” và “Ai Lao độc lập đồng minh” đặng cùng mình thành lập “Đông Dương độc lập đồng minh” (Mặt trận thống nhất chống Nhật, Pháp của cả Đông Dương)”⁹. Sau khi đánh đuổi Nhật, Pháp, giành độc lập dân tộc, sẽ thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lấy cờ đỏ giữa có ngôi sao vàng năm cánh làm Quốc kỳ. Chính phủ sẽ thi hành các chính sách theo tinh thần dân chủ mới về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội cho các giai cấp, tầng lớp nhân dân.

Ngày 6-6-1941, Nguyễn Ái Quốc viết thư “Kính cáo đồng bào”. Người chỉ rõ: “Hiện thời, muốn đánh Pháp, Nhật, ta chỉ cần một điều: Toàn dân đoàn kết... Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm: Người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề”.

Nhằm khuyến khích Mặt trận Việt Minh kêu gọi toàn dân đoàn kết, Nguyễn Ái Quốc cho đăng bài thơ “Việt Nam độc lập” trên báo Việt Nam độc lập, số 103, ngày 21-8-1941:

“Việt Nam độc lập” thổi kèn loa
Kêu gọi dân ta trẻ lẫn già
Đoàn kết vững bền như khối sắt
Để cùng nhau cứu nước Nam ta!”.

Tiếp đó, trên nhiều số báo Việt Nam độc lập, Nguyễn Ái Quốc liên tục đăng nhiều bài thơ với tiêu đề “Dân cày” (số 103, ngày 21/8/1941), “Phụ nữ” (số 104, ngày 01/9/1941), “Trẻ con” (số 106, ngày 21/9/1941), “Công nhân” (số 108, ngày 11/10/1941), “Ca binh lính” (số 110, ngày 01/11/1941), kêu gọi các giới đồng bào đoàn kết cứu nước; gia nhập đoàn thể cứu quốc. Đặc biệt, Người có bài văn xuôi “Nên học sử ta”, đăng báo Việt Nam độc lập, số 117, ngày 01/02/1942, trong đó nhấn mạnh:

“Sử ta dạy cho ta bài học này:

Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do.

Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”.

Cùng đề tài trên, vào tháng 02/1942, tại núi rừng Cao Bằng, Nguyễn Ái Quốc đã viết tác phẩm “Lịch sử nước ta” theo thể thơ lục bát gồm 208 câu, kèm theo bảng liệt kê “Những năm quan trọng” trong đó có nêu “1945 Việt Nam độc lập”, đánh dấu một dự đoán thiên tài của Người. Nội dung tác phẩm trình bày những chiến công hiển hách, những giá trị sáng tạo của nhân dân Việt Nam trong lịch sử dựng nước và giữ nước nhằm thôi thúc người đọc hăng hái hy sinh vì sự nghiệp cứu nước vô cùng khẩn cấp đang đòi hỏi mà “Mười chính sách của Việt Minh” (1941) đã đề ra:

“Sao cho từ Bắc chí Nam,
Việt Minh hội có muôn vàn hội viên.
Người có sức, đem sức quyên,
Ta có tiền của, quyên tiền của ta.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Ấy là sự nghiệp, ấy là công danh”.

Mặt trận Việt Minh sử dụng báo chí để tuyên truyền, giáo dục và đoàn kết nhân dân. Ngày 01/8/1941, Nguyễn Ái Quốc sáng lập báo Việt Nam độc lập, tiếp đó là báo Cứu quốc ra số đầu từ 25/01/1942. Nhiều tỉnh và tù nhân cộng sản trong một số nhà tù của địch cũng ra báo phổ biến văn kiện của Mặt trận Việt Minh. Tại nhiều nơi, văn kiện của Việt Minh được chuyển thể từ văn xuôi thành thơ tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số để thu hút đông đảo bạn đọc hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa quan trọng của việc gia nhập Việt Minh và phấn đấu thực hiện nhiệm vụ của hội viên.

Từ cuối năm 1941, ở Cao Bằng bắt đầu xuất hiện những xã, tổng toàn dân tham gia Việt Minh gọi là “xã hoàn toàn”, “tổng hoàn toàn”. Đến cuối năm 1942, đã có 3/9 châu ở Cao Bằng là Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình trở thành “châu hoàn toàn”. Ở những “châu hoàn toàn”, “tổng hoàn toàn”, “xã hoàn toàn”, bộ máy chính quyền địch chỉ tồn tại về mặt hình thức, còn thực tế quyền hành do Ủy ban Việt Minh nắm giữ. Thực hiện chủ trương của HNTW 8, việc tuyên truyền Việt Minh từ trung tâm Cao Bằng “Tây tiến” sang Hà Giang, Tuyên Quang, “Đông tiến” xuống Lạng Sơn, “Nam tiến” đi Bắc Cạn. Từ sự phát triển của phong trào Việt Minh ở Cao Bằng và các địa phương lân cận, Mặt trận Việt Minh ở Việt Bắc đã đúc rút những kinh nghiệm để sau này biên soạn thành cuốn Kinh nghiệm Việt Minh ở Việt Bắc (xuất bản đầu năm 1944), cung cấp những bài học quý báu về xây dựng, củng cố các đoàn thể cứu quốc cho cán bộ Việt Minh toàn quốc.

Ba là, củng cố tổ chức đảng, xúc tiến đào tạo cán bộ

Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng đủ năng lực lãnh đạo công cuộc chuẩn bị và tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị cho rằng cuộc cách mạng Đông Dương lúc này là cách mạng giải phóng dân tộc, một bước đi chiến lược trong tiến trình cách mạng dân tộc, dân chủ và xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc. Vì vậy, Đảng phải được xây dựng vững mạnh, thực sự là đội tiên phong của giai cấp công nhân “đủ năng lực lãnh đạo cuộc cách mạng Đông Dương đi đến toàn thắng”. Sau hội nghị, các cấp bộ đảng từ Trung ương đến địa phương đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng về mọi mặt, nhất là công tác khôi phục, củng cố tổ chức đảng. Ban Thường vụ Trung ương liên tiếp ra các văn bản, tài liệu hướng dẫn các đảng bộ thực hiện củng cố và phát triển Đảng, thực hiện công tác bí mật.

Tháng 6-1941, Tổng Bí thư Trường-Chinh viết bài “Củng cố Đảng” đăng trên báo Giải phóng, số 2, kêu gọi các cấp bộ “trừ diệt các bệnh quan liêu và bao biện” trong bộ máy Đảng, chấn chỉnh sinh hoạt chi bộ cho “đều đặn và liên tiếp”. Ngày 16/9/1941, Ban Thường vụ Trung ương ra Thông cáo “Phải dùng đủ cách chống khủng bố” gửi cho các cấp bộ. Trung ương chỉ rõ lúc này đấu tranh chống khủng bố “là một bộ phận của phong trào tranh đấu cứu quốc”, đồng thời nêu lên 12 nhiệm vụ cho các cấp bộ đảng thực hiện chống khủng bố, bảo vệ tổ chức đảng và phát triển phong trào cách mạng, sửa chữa các nhận định và hành động sai lầm. Đặc biệt, ngày 01/12/1941, Trung ương ra chỉ thị yêu cầu các cấp bộ đảng phải ra sức củng cố và mở rộng cơ sở đảng.

Bên cạnh công tác xây dựng tổ chức đảng, Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng đặc biệt quan tâm tới đào tạo cán bộ để họ nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Mặt trận Việt Minh, trang bị về lý luận và phương pháp công tác, đây là “cẩm nang” giúp cho họ có năng lực hoạt động. Ngoài việc đào tạo về lý luận và phương pháp cách mạng, Người đặc biệt chú ý bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho cán bộ. Theo Người, cán bộ tốt là người phải gương mẫu, chịu hy sinh gian khổ, đi đầu trong mọi khó khăn, không tự kiêu, tự mãn, phải là một người hết lòng vì dân, vì nước, “muốn làm công tác tốt thì mỗi cán bộ phải xây dựng tu dưỡng cho mình đạo đức cách mạng”, “phải làm cho dân tin, dân yêu, dân phục”.

Các lớp huấn luyện được tổ chức cho nhiều đối tượng, nội dung các bài giảng Nguyễn Ái Quốc biên soạn phù hợp với đối tượng và trình độ học viên. Sau mỗi bài giảng, Người đều tổng kết, đánh giá, nhận xét, giải đáp thắc mắc của các học viên. Trong khi rất coi trọng công tác cán bộ về mặt tư tưởng, lý luận, Nguyễn Ái Quốc còn trực tiếp bắt tay vào công việc đào tạo đội ngũ cán bộ kiên trung làm nòng cốt cho phong trào.

Theo yêu cầu của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng, Cao Hồng Lĩnh, hoạt động ở Cao Bằng, tích cực tham gia vào công tác đào tạo cán bộ. Đồng chí Võ Nguyên Giáp đã mở 3 lớp huấn luyện cán bộ ở Nguyên Bình, 6 lớp tại Hòa An để đào tạo cán bộ Việt Minh cho phong trào Hòa An và các địa phương khác trong tỉnh. Các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đã chọn 10 thanh niên Cao Bằng đi học lớp “Đệ tứ chiến khu vô tuyến điện, điệp báo ban” tại Liễu Châu, Quảng Tây, Trung Quốc. Thời gian học một năm, mãn khóa về nước tham gia cao trào tổng khởi nghĩa

Những vấn đề trừu tượng, phức tạp được Nguyễn Ái Quốc diễn giải với hình thức giản dị, dễ hiểu, bằng những hình ảnh quen thuộc như cách nói của nhân dân lao động, phù hợp với các đối tượng học viên có trình độ nhận thức khác nhau. Người chú ý lý luận liên hệ với thực tiễn, học kết hợp chặt chẽ với vận dụng, học đến đâu vận dụng đến đấy. Sau mỗi bài giảng, mỗi khóa học, Người thường hỏi học viên: Học xong về địa phương làm gì? bước I thế nào? bước II thế nào?... Trong nội dung huấn luyện, Người thực hiện từng bước, từ dễ đến khó, từ thấp đến cao, từ những mục tiêu đấu tranh trước mắt đến mục đích cao cả, lâu dài. Vì vậy, trong lớp có học viên mới biết chữ, có học viên đã là giáo viên nhưng nghe Người giảng tất cả đều hiểu được vì rõ ràng, cô đọng, sâu sắc.

Bốn là, xây dựng lực lượng vũ trang

Từ năm 1941, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã dự đoán: “Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang”. Muốn thế phải chuẩn bị các điều kiện chủ quan, trong đó có lực lượng vũ trang và theo dõi diễn biến của chiến tranh thế giới để nắm bắt thời cơ, kịp thời phát động khởi nghĩa.

Cùng với việc xây dựng, nhân rộng các đoàn thể cứu quốc ra cả nước, Đảng và Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành xây dựng lực lượng vũ trang với những hình thức từ thấp đến cao, từ tự vệ đến tự vệ chiến đấu, tiến lên xây dựng tiểu tổ du kích và đội du kích tập trung.

Tại Cao Bằng, chỉ tính từ tháng 6/1941 đến tháng 4/1942, đã có 300 cán bộ được bồi dưỡng, huấn luyện. Từ những hạt giống này, các cơ sở cách mạng, các tổ chức cứu quốc nhanh chóng phát triển khắp địa phương trong tỉnh. Để chuẩn bị cho lực lượng vũ trang, đội tự vệ, đội du kích và quân đội cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã đề nghị Tỉnh ủy Cao Bằng chọn các hội viên cứu quốc tích cực, có năng lực đi học dài hạn ở Trung Quốc. Những cán bộ này được học quân sự từ tháng 4/1941 đến tháng 10/1944 tại các trường quân sự ở Tĩnh Tây, Điền Đông (Quảng Tây, Trung Quốc), đây là những hạt nhân quan trọng trong lực lượng vũ trang ở Cao Bằng cũng như của căn cứ địa cách mạng Cao-Bắc-Lạng và khu giải phóng sau này. Một số học viên đến tháng 12/1944, được chỉ định vào Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân. Tháng 10/1941, đội du kích tập trung đầu tiên của tỉnh Cao Bằng được thành lập tại Pác Bó.

Tháng 6/1943, Trung ương bắt đầu mở các lớp “quân chính”, khóa I mở tại Pác Bó với 40 học viên, khóa II ở U Mả (Hòa An) có 100 học viên, khóa III tại Nguyên Bình có 30 học viên, khóa IV tại Hà Quảng dành riêng cho cán bộ Cao-Bắc-Lạng, chương trình chủ yếu theo sách huấn luyện du kích của Nguyễn Ái Quốc. Nhiều tài liệu được dịch ra tiếng dân tộc theo lối “tam tự kinh, ngũ tự kinh”, ca dao để đồng bào dễ học, dễ thuộc. “Việt Minh ngũ tự kinh” của đồng chí Võ Nguyên Giáp đã được dịch ra tiếng Tày, Dao.

Nguyễn Ái Quốc viết nhiều tài liệu như: “Mười điều kỷ luật”, “Chiến thuật cơ bản của du kích”, “Cách đánh du kích”, “Kinh nghiệm du kích Pháp”, “Kinh nghiệm du kích Nga”, “Kinh nghiệm du kích Tàu”, “Phép dụng binh của Tôn Tử”, “Cách huấn luyện quân sự của Khổng Minh”,... để huấn cán bộ quân sự. Các tài liệu kể trên nêu một số vấn đề về đường lối quân sự, góp phần quan trọng trong việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.

Tháng 12/1944, Hồ Chí Minh ra “Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân”. “Tên ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền”. Chỉ thị nêu rõ nguyên tắc chính của quân sự là tập trung lực lượng bằng cách chọn lọc trong hàng ngũ du kích Cao-Bắc-Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và tập trung phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực. Đồng thời, “cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện”. Chỉ thị nêu rõ: “Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam”.

Chiến thắng đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân tại hai trận Phai Khắt (25/12/1944) và Nà Ngần (26/12/1944) là những chiến công tiêu biểu cho sức mạnh mưu trí và tinh thần quả cảm của đội quân chính quy đầu tiên của cách mạng Việt Nam. Chiến thắng đó là tín hiệu mở đầu cho những chiến công oanh liệt của Quân đội Nhân dân Việt Nam về sau.

Năm là, xây dựng các căn cứ địa

Lựa chọn Cao Bằng làm nơi xây dựng căn cứ địa là sáng kiến của Nguyễn Ái Quốc và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Nhận thấy vị thế quan trọng và phong trào cách mạng khá vững của Cao Bằng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định chọn nơi đây đặt đại bản doanh để từ đó chỉ đạo phong trào cách mạng toàn quốc. Người cho rằng: “Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng nước ta. Cao Bằng có phong trào tốt từ trước, lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi. Nhưng từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nổi phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tấn công, lúc khó khăn có thể giữ”. Từ đây, Người chỉ đạo mở rộng căn cứ địa, tạo chỗ đứng chân cho Trung ương Đảng, các đảng bộ và lực lượng vũ trang chuẩn bị khởi nghĩa.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, tháng 2/1943, các đồng chí lãnh đạo của hai khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn-Võ Nhai họp tại Lũng Hòa (Hòa An, Cao Bằng) trao đổi kinh nghiệm xây dựng Mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa. Cuộc họp quyết định nối liền hai khu căn cứ, phát triển dần xuống trung du, đồng bằng để kết hợp với phong trào toàn quốc, giữ vững đường liên lạc với Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Trước sự phát triển của các trung tâm căn cứ địa ở Việt Bắc, tháng 8/1944, Trung ương Đảng, Xứ ủy Bắc Kỳ tổ chức hội nghị quân sự tại Kha Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên bàn việc thành lập, phân định các chiến khu ở miền Bắc. Hội nghị quyết định thành lập 4 chiến khu ở miền Bắc: Chiến khu I gồm Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn; Chiến khu II gồm Thái Nguyên, Bắc Giang, Tuyên Quang, một phần Lạng Sơn, một phần Phú Thọ, một phần Vĩnh Yên; Chiến khu III gồm Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, một phần Sơn Tây; Chiến khu IV gồm Móng Cái, Hải Ninh, Hòn Gai, Kiến An, Hải Phòng, Quảng Yên, Hải Dương.

Thực hiện chủ trương của Hội nghị, cuối năm 1944, Chiến khu Hoàng Hoa Thám (Chiến khu II) được chia thành 2 phân khu: phân khu A (còn gọi là khu Quang Trung) và phân khu B (còn gọi là khu Nguyễn Huệ), lấy sông Cầu làm ranh giới. Sự ra đời của hai phân khu càng thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng ở các địa phương như Bắc Sơn, Bình Gia (Lạng Sơn), Võ Nhai, Đồng Hỷ (Thái Nguyên), Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang), Phú Lương, Đại Từ, Định Hóa (Thái Nguyên), Chợ Mới, Chợ Đồn (Bắc Cạn), Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa (Tuyên Quang), Lập Thạch (Vĩnh Yên)... Sự nối liền, phát triển và củng cố các căn cứ địa ở Việt Bắc đã chứng tỏ chủ trương của Nguyễn Ái Quốc cũng như của Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương (2-1943) về mở rộng các căn cứ địa cách mạng là hoàn toàn đúng đắn, thúc đẩy nhanh chóng việc xây dựng lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa.

Với trí tuệ mẫn tiệp, Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh sớm nhận biết thời cơ cách mạng đã đến, Người chủ động về nước tổ chức HNTƯ 8, hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc. Tinh hoa trí tuệ, năng lực lãnh đạo của Người cùng với Đảng kịp thời lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Nguồn: Tạp chí Lịch sử Đảng số 4/2021

C. Một số ngày lễ, kỷ niệm trong tháng

1. KỶ NIỆM 96 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH TUYÊN GIÁO CỦA ĐẢNG (01/8/1930 – 01/8/2026)



Sau Hội nghị thành lập Đảng, ngày 01/8/1930, Ban Cổ động và Tuyên truyền (tiền thân của Ban Tuyên giáo Trung ương ngày nay) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xuất bản tài liệu mang tên “Ngày quốc tế đỏ 01/8”. Ngay khi phát hành, tài liệu đã tạo tiếng vang lớn; có sức cổ vũ, động viên các tầng lớp nhân dân giác ngộ cách mạng, hiểu Đảng, ủng hộ Đảng, tin và đi theo Đảng, đồng lòng cùng nhau đứng lên đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chống áp bức, bóc lột, phản đối chiến tranh xâm lược, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc. Từ đó, ngày 01/8 trở thành mốc son lịch sử, đánh dấu một hoạt động rất có ý nghĩa đối với công tác tuyên giáo của Đảng.

Xuất phát từ sự kiện có ý nghĩa lịch sử đặc biệt này, năm 2000, để khẳng định và tôn vinh những đóng góp to lớn của công tác Tuyên giáo của Đảng qua các thời kỳ, Bộ Chính trị (khóa VIII) đã quyết định lấy ngày 01/8 hằng năm làm Ngày truyền thống công tác tư tưởng, văn hóa của Đảng. Năm 2007, sau khi Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương hợp nhất thành Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) quyết định lấy ngày 01/8 hằng năm làm Ngày truyền thống ngành Tuyên giáo của Đảng.

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn đề cao công tác tuyên giáo nói chung, công tác tư tưởng nói riêng, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu, rất quan trọng, phải “đi trước mở đường, đi cùng thực hiện và đi sau tổng kết”. Thực tiễn đã chứng minh công tác tuyên giáo đã góp phần khẳng định Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam.

Trong quá trình đó, ngành Tuyên giáo đã tham mưu cho Đảng đề ra đường lối chính trị đúng đắn, phù hợp với yêu cầu thực tiễn đất nước trong từng giai đoạn cách mạng của dân tộc; truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đến nhân dân; biến đường lối, chủ trương, chính sách thành hành động tự giác của hàng triệu quần chúng để trở thành cao trào cách mạng, đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

2. KỶ NIỆM 59 NĂM NGÀY THÀNH LẬP HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á – ASEAN (08/8/1967 - 08/8/2026)

2.1. Thông tin cơ bản về ASEAN

**Hoàn cảnh ra đời:*

- ASEAN ra đời trong bối cảnh khu vực và thế giới có nhiều biến chuyển to lớn vào nửa sau những năm 60 của thế kỉ XX.
- Sau khi giành được độc lập bước vào thời kì phát triển kinh tế trong điều kiện khó khăn do chiến tranh tàn phá, các nước đã nhận thấy phải hợp tác với nhau để cùng phát triển, đồng thời hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.

- Trên thế giới có nhiều các tổ chức hợp tác kinh tế phát triển và có nhiều thành tựu, sự thành công đó đã cổ vũ các nước Đông Nam Á tìm cách liên kết với nhau.

- Ngày 08/8/1967 Hiệp hội các nước Đông Nam Á thành lập (viết tắt ASEAN) tại Băng Cốc (Thái Lan) gồm 5 nước thành viên: Indonesia, Malaysia, Singapore, Philippines và Thái Lan. Trụ sở ở Jakarta (Indonesia)

**Mục tiêu:*

- Phát triển kinh tế và văn hóa thông qua hợp tác chung giữa các nước thành viên.
- Trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực.
- ASEAN là 1 tổ chức Liên minh chính trị – kinh tế của khu vực.

** Hoạt động:*

- Từ năm 1967 – 1975: Tổ chức non trẻ, hợp tác lỏng lẻo, chưa có vị trí trên trường quốc tế.
- Từ năm 1976 đến nay: Hoạt động khởi sắc từ sau Hội nghị Bali (Indonesia) tháng 2/1976, với việc ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Đông Nam Á (Hiệp ước Bali).
- Nguyên tắc hoạt động (theo nội dung của Hiệp ước Bali):
 - + Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
 - + Không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực với nhau.
 - + Giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình.
 - + Hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội.
- Sau 1975, ASEAN cải thiện quan hệ với Đông Dương.
- Tuy nhiên, từ năm 1979 – 1989, quan hệ giữa hai nhóm nước trở nên căng thẳng do vấn đề Campuchia.
- Đến năm 1989, hai bên bắt đầu quá trình đối thoại, tình hình chính trị khu vực cải thiện căn bản. Thời kỳ này kinh tế ASEAN tăng trưởng mạnh.

- Sau khi phát triển thành 10 thành viên (năm 1999), ASEAN đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định để cùng phát triển. Năm 1992, lập khu vực mậu dịch tự do Đông Nam Á (AFTA) rồi Diễn đàn khu vực (ARF), Diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM), có sự tham gia của nhiều nước Á – Âu.

2.2. Mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN

Quan hệ giữa Việt Nam và các nước ASEAN từ năm 1967 đến nay có những lúc diễn ra phức tạp, có lúc hòa dịu, có lúc căng thẳng tùy theo sự biến động tình hình quốc tế và khu vực:

- Giai đoạn 1967 – 1973: Việt Nam hạn chế quan hệ với ASEAN vì đang tiến hành kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Có thời gian Việt Nam đối lập với các nước ASEAN vì Thái Lan, Philippines tham gia khối quân sự SEATO và trở thành đồng minh của Mỹ.

- Giai đoạn 1973 - 1978: Sau hiệp định Pari, nước ta bắt đầu triển khai, đẩy mạnh quan hệ song phương với các nước ASEAN. Đặc biệt sau đại thắng mùa xuân năm 1975 vị trí của Việt Nam trong khu vực và thế giới ngày càng tăng. Tháng 2/1976 Việt Nam tham gia kí kết hiệp ước Bali, quan hệ với ASEAN đã được cải thiện bằng việc thiết lập quan hệ ngoại giao và có những chuyến viếng thăm lẫn nhau.

- Giai đoạn 1978 - 1989: Tháng 12/1978, Việt Nam đưa quân tình nguyện vào Campuchia giúp nhân dân nước này lật đổ chế độ diệt chủng Pôn-pốt. Một số nước lớn đã can thiệp, kích động làm cho quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN trở lên căng thẳng.

- Giai đoạn 1989 đến nay: ASEAN đã chuyển từ chính sách đối đầu sang đối thoại, hợp tác với ba nước Đông Dương. Từ khi vấn đề Campuchia được giải quyết, Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại “Muốn làm bạn với tất cả các nước” quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN được cải thiện.

- Tháng 7/1992, Việt Nam tham gia vào hiệp ước Bali đánh dấu bước phát triển quan trọng trong sự tăng cường hợp tác khu vực vì một “Đông Nam Á hòa bình, ổn định và phát triển”. Sau khi ra nhập ASEAN (28/7/1995) mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học kĩ thuật ngày càng được đẩy mạnh.

- Tháng 7/1994, Việt Nam được mời tham dự cuộc họp đầu tiên của Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) và trở thành một trong những thành viên sáng lập của Diễn đàn này.

- Ngày 28/7/1995, tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 28 (AMM-28) tại Brunei Darussalam, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN và trở thành thành viên thứ 7 của tổ chức này

- Từ năm 1997 – 1999 Việt Nam đã tích cực thúc đẩy ASEAN kết nạp các nước Lào, Myanmar và Campuchia. Việt Nam đã trở thành cầu nối giữa khu vực Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo để đến năm 1999, giấc mơ về một đại gia đình ASEAN gồm toàn bộ 10 quốc gia Đông Nam Á chính thức trở thành hiện thực. Với sự tham gia của cả 10 nước trong khu vực, nghi kị giữa các dân tộc dần được xóa bỏ, khoảng cách phát triển giữa các quốc gia từng bước được thu hẹp, tinh thần tự chủ của khu vực cũng được nâng cao đáng kể.

- Ba năm sau khi chính thức gia nhập, Việt Nam đã đảm nhận nghĩa vụ đầu tiên của một thành viên với việc tổ chức Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 6 (1998), chủ trì xây dựng, thông qua Chương trình Hành động Hà Nội (HPA) triển khai Tầm nhìn ASEAN 2010 cũng như đề ra các biện pháp ứng phó với các vấn đề nảy sinh sau khủng hoảng tài chính khu vực. Việt Nam tiếp tục đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN (2000 - 2001) khóa 34, chủ trì thành công chuỗi các Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN và giữa ASEAN với các Đối tác tại Hà Nội tháng 7 năm 2001.



- Năm 2003 tuyên bố Hòa hợp Ba-li II, Chương trình Hành động Viêng Chăn (VAP) năm 2004, Hiến chương ASEAN năm 2007, Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN 2009 - 2015, Kế hoạch công tác Sáng kiến Liên kết ASEAN...

- Năm 2010, một lần nữa Việt Nam giữ chức Chủ tịch Hiệp hội. Hội nghị cấp cao lần thứ 16 do Việt Nam chủ trì đã đóng góp tích cực vào việc triển khai Hiến chương và xây dựng Cộng đồng ASEAN; hợp tác ứng phó với các thách thức toàn cầu, quan hệ đối ngoại của ASEAN và vai trò ASEAN trong khu vực với chủ đề “Hướng tới cộng đồng ASEAN, từ tầm nhìn đến hành động”.

Cho đến nay, Việt Nam đã cùng các nước xây dựng và thực thi các mục tiêu, các chỉ tiêu để thành lập cộng đồng ASEAN. Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong việc thực thi các mục tiêu với gần 95% các dòng hành động đã được triển khai. Bên cạnh đó, giữ vai trò tích cực trong việc điều phối các cơ chế hợp tác giữa ASEAN với các đối tác như Trung Quốc, EU, Ấn Độ. Việt Nam đã đóng góp không nhỏ vào việc kết nối và mở rộng quan hệ chiến lược giữa ASEAN và làm sâu sắc thêm quan hệ với các đối tác này.

Nguồn: Ban Công tác Thanh thiếu nhi, cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng tổng hợp

3. KỶ NIỆM 65 NĂM NGÀY VÌ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM VIỆT NAM (10/8/1961 – 10/8/2026)

65 năm đã qua kể từ khi quân đội Mỹ bắt đầu chiến dịch phun rải chất độc hóa học (CĐHH) xuống miền Nam Việt Nam (10-8-1961), nhưng hậu quả CĐHH đối với môi trường sinh thái và sức khỏe con người Việt Nam vẫn rất nặng nề và lâu dài.

Cùng với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Hội Nạn nhân chất độc da cam (NNCĐDC)/dioxin Việt Nam đã phát huy vai trò nòng cốt trong vận động nguồn lực xã hội, chăm sóc, hỗ trợ nạn nhân và kiên trì đấu tranh đòi công lý, góp phần xoa dịu nỗi đau da cam, lan tỏa tinh thần nhân ái và trách nhiệm của cộng đồng trong nước, quốc tế.

1. Chất độc da cam do quân đội Mỹ, sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam (từ năm 1961 đến 1971) làm hơn 4,8 triệu người Việt Nam bị phơi nhiễm, trong đó hơn 3 triệu người là nạn nhân. Đến nay đã có những nạn nhân thế hệ thứ ba, thứ tư. Nhiều vùng đất vẫn còn tồn lưu và ô nhiễm chất độc da cam.



Lãnh đạo Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam và Nhóm thiện nguyện Uống nước nhớ nguồn trao hỗ trợ sinh kế, tặng quà nạn nhân da cam tỉnh Nghệ An. (Ảnh: Báo QĐND)

Trước thực tế đó, công cuộc khắc phục hậu quả CĐHH, chăm sóc, giúp đỡ và đấu tranh đòi công lý cho các NNCĐDC Việt Nam luôn được Đảng, Nhà nước, các cấp, ngành, địa phương quan tâm. Nhiều chủ trương, chính sách về khắc phục hậu quả CĐHH sau chiến tranh và giải quyết chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, trong đó có người tham gia kháng chiến bị nhiễm CĐHH và con đẻ của họ đã được ban hành, đi vào cuộc sống.

Ngày 14/5/2015, Ban Bí thư (khóa XI) đã ban hành Chỉ thị số 43-CT/TW về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giải quyết hậu quả CĐHH do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam”, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước, của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và hệ thống chính trị đối với việc giải quyết hậu quả CĐHH, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ NNCĐDC và công tác xây dựng, hoạt động của tổ chức hội NNCĐDC/dioxin các cấp.

Hội NNCĐDC/dioxin Việt Nam ra mắt và chính thức đi vào hoạt động ngày 10/01/2004, là tổ chức đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NNCĐDC Việt Nam, thực hiện sứ mệnh: Tham gia giám sát, phản biện xã hội về chế độ chính sách đối với NNCĐDC; tham mưu cho Đảng, Nhà nước trong đấu tranh đòi công lý cho NNCĐDC Việt Nam, đồng thời tích cực vận động nguồn lực xã hội ở trong và ngoài nước để chăm sóc, giúp đỡ NNCĐDC. Hội luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực sự là cầu nối tin cậy, mái ấm nghĩa tình của cán bộ, hội viên, NNCĐDC. Hội là thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hiện là 1 trong 29 hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, theo Kết luận số 230-KL/TW ngày 5-1-2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.



Đại sứ Bỉ tại Việt Nam và lãnh đạo Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam trao hỗ trợ sinh kế cho gia đình nạn nhân tại Đồng Nai. (Ảnh: Báo QĐND)

2. Nhằm huy động các nguồn lực chung tay giúp đỡ NNCĐDC, giai đoạn 2021-2025, toàn Hội vận động được hơn 2.420 tỷ đồng (trong đó nguồn vận động quốc tế chiếm khoảng 10%), đã chi hơn 2.310 tỷ đồng để hỗ trợ nạn nhân. Các hoạt động chủ yếu là xây mới, sửa chữa nhà, nâng cấp cơ sở vật chất và hỗ trợ nuôi dưỡng nạn nhân tại các trung tâm; tặng quà, hỗ trợ sinh kế, học bổng, dạy nghề cho nạn nhân... 6 tháng đầu năm 2026, công tác vận động Quỹ NNCĐDC đạt gần 252 tỷ đồng. Toàn hội đã chi hơn 262 tỷ đồng chăm sóc, giúp đỡ NNCĐDC.

Các trung tâm xông hơi giải độc, nuôi dưỡng, dạy nghề cho NNCĐDC thuộc Trung ương Hội và các tỉnh, thành hội duy trì hoạt động hiệu quả, góp phần chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, tạo niềm tin, động lực giúp nạn nhân vượt qua khó khăn, bệnh tật, từng bước vươn lên hòa nhập cộng đồng.

Thực tế ở các địa phương cho thấy, những năm qua còn nhiều gia đình NNCĐDC là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CĐHH có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở nhưng chưa được hỗ trợ sửa chữa, xây mới. Hội NNCĐDC/dioxin Việt Nam đã phối hợp khảo sát thực trạng, tổng hợp, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền báo cáo và được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành liên quan ủng hộ triển khai thực hiện. Qua rà soát, thống kê, toàn quốc có 3.408 căn nhà tạm, nhà dột nát của con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CĐHH, trong đó 1.912 căn cần được xây mới, 1.496 căn cần được sửa chữa.

Cùng với đó, một số cán bộ thực hiện nhiệm vụ và người dân sinh sống ở vùng bị ô nhiễm CĐHH sau chiến tranh, sức khỏe bị ảnh hưởng nhưng cũng chưa được khảo sát đầy đủ và chưa có chế độ, chính sách đối với các đối tượng này. Hội đã tham gia ý kiến và có văn bản đề nghị các cơ quan chức năng báo cáo Đảng, Nhà nước có chủ trương giải quyết chế độ chính sách đối với người hoạt động kháng chiến bị mất giấy tờ đang mắc các bệnh liên quan đến phơi nhiễm chất độc da cam để họ sớm được hưởng chế độ, chính sách của Nhà nước.

3. Trong những năm qua, Hội NNCĐDC/dioxin Việt Nam không ngừng mở rộng, tăng cường hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân và vận động ủng hộ cuộc đấu tranh đòi công lý cho NNCĐDC Việt Nam, được dư luận quốc tế và nhân dân trong nước đồng tình ủng hộ. Hội có quan hệ với hàng trăm tổ chức, cá nhân ở hơn 30 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới.

Hội làm nòng cốt, kiên trì đấu tranh đòi công lý cho NNCĐDC Việt Nam theo đúng chủ trương đối ngoại của Đảng, phù hợp với tình hình mới. Từ kết quả vận động, đấu tranh đòi công lý và bằng nhiều hình thức tuyên truyền vận động ở trong nước và ngoài nước, Hội tiếp tục đồng hành ủng hộ có hiệu quả vụ kiện đòi công lý của các NNCĐDC Việt Nam và vụ kiện của bà Trần Tố Nga, là NNCĐDC (quốc tịch Pháp, gốc Việt) kiện các công ty hóa chất Hoa Kỳ đã sản xuất, cung cấp CĐHH/dioxin cho quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam.

Hội cũng góp phần vận động, thúc đẩy quốc hội, chính phủ các nước và bạn bè quốc tế quan tâm, hỗ trợ tích cực hơn trong công tác khắc phục hậu quả CĐHH sau chiến tranh và giúp đỡ NNCĐDC. Chính phủ Hoa Kỳ đã chi hàng trăm nghìn USD thực hiện dự án tẩy độc dioxin ở các sân bay: Phù Cát, Đà Nẵng, Biên Hòa và hỗ trợ người khuyết tật, trong đó có NNCĐDC ở các tỉnh bị phun rải nặng chất độc da cam. Đặc biệt, ngày 05/10/2023, Hạ viện Vương quốc Bỉ đã thông qua nghị quyết ủng hộ NNCĐDC Việt Nam với số phiếu 100%, góp phần lan tỏa sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam và NNCĐDC Việt Nam.

Với những nỗ lực trong các hoạt động vì NNCĐDC, Hội được trao tặng nhiều phần thưởng cao quý. Đặc biệt tháng 7/2026, Chủ tịch nước ký quyết định tặng thưởng Hội NNCĐDC/dioxin Việt Nam Huân chương Lao động hạng Nhì vì “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chăm sóc, giúp đỡ NNCĐDC Việt Nam, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo”. Đó là sự ghi nhận thành tích, là niềm vinh dự, tự hào, sự cổ vũ, động viên to lớn, để toàn Hội tiếp tục phát huy truyền thống “Đoàn kết-Nghĩa tình-Trách nhiệm-Vì NNCĐDC”, hướng mạnh về cơ sở, về nạn nhân, phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao trong thời gian tới, xứng đáng là chỗ dựa tin cậy, mái ấm nghĩa tình của NNCĐDC.

4. NGÀY QUỐC TẾ THANH NIÊN 12/8



Ngày Quốc tế Thanh niên (International Youth Day) được Liên Hợp Quốc chính thức công nhận và chọn ngày 12 tháng 8 hàng năm để kỷ niệm trên toàn thế giới. Đây không chỉ là một ngày lễ mang tính biểu tượng mà còn là cơ hội để các quốc gia, tổ chức và cộng đồng cùng nhau nhìn lại, đánh giá và thúc đẩy các chính sách, chương trình liên quan đến thanh niên. Vào ngày này, các vấn đề mà giới trẻ toàn cầu đang phải đối mặt như giáo dục, việc làm, sức khỏe tinh thần, bình đẳng giới và vai trò trong các quyết sách chính trị sẽ được đưa ra thảo luận một cách sâu rộng.

Lịch sử của Ngày Quốc tế Thanh niên bắt nguồn từ một sự kiện quan trọng vào cuối thế kỷ 20. Cụ thể, vào năm 1998, tại Hội nghị Thế giới các Bộ trưởng phụ trách Thanh niên (World Conference of Ministers Responsible for Youth) được tổ chức ở Lisbon, Bồ Đào Nha, các đại biểu đã đưa ra một khuyến nghị quan trọng. Họ đề xuất thành lập một ngày lễ quốc tế dành riêng cho thanh niên nhằm nâng cao nhận thức về Chương trình Hành động Thế giới vì Thanh niên (World Programme of Action for Youth).

Đáp lại lời kêu gọi đó, vào ngày 17 tháng 12 năm 1999, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua Nghị quyết 54/120, chính thức công nhận ngày 12 tháng 8 là Ngày Quốc tế Thanh niên. Kể từ năm 2000, sự kiện này được tổ chức thường niên trên phạm vi toàn cầu, với mỗi năm một chủ đề riêng biệt, tập trung vào những vấn đề cấp thiết nhất đối với thế hệ trẻ.

Chủ đề năm 2026 là “Muôn vàn bối cảnh, một khát vọng chung” - phản ánh sự đa dạng trong điều kiện sống, cơ hội và những vấn đề mà người trẻ ở mỗi cộng đồng đang đối mặt. Dù khác nhau về hoàn cảnh, thanh thiếu niên trên khắp thế giới vẫn cùng hướng đến những khát vọng chung: được học tập, có việc làm, được tham gia, được tôn trọng phẩm giá và có một tương lai bền vững.

Nguồn: Ban Công tác Thanh thiếu nhi, cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng tổng hợp

5. KỶ NIỆM 81 NĂM NGÀY CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG (19/8/1945 – 19/8/2026)

Tháng 8/1945, Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân vùng lên đập tan xiềng xích của chế độ thực dân phong kiến và giành lại nền độc lập cho dân tộc. Từ cuộc cách mạng vĩ đại đó, ngày 02/9/1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đã đem lại cuộc đời mới tươi sáng cho nhân dân Việt Nam. Từ đây nhân dân ta thoát khỏi xiềng xích nô lệ của thực dân phong kiến trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của tinh thần yêu nước và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Ngày 14/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng vô điều kiện, chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc. Theo thỏa thuận của các nước Đồng minh, sau khi phát xít Nhật đầu hàng, quân đội Anh và Tưởng sẽ vào Đông Dương để giải giáp quân đội Nhật. Trong khi đó, thực dân Pháp lăm le dựa vào Đồng minh hòng khôi phục địa vị thống trị của mình; đế quốc Mỹ đứng sau các thế lực này cũng sẵn sàng can thiệp vào Đông Dương; những phần tử phản động, ngoan cố trong chính quyền tay sai Nhật đang âm mưu thay thầy đổi chủ, chống lại cách mạng. Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn cuối. Hồng quân Xô Viết liên tiếp giành thắng lợi quyết định trên chiến trường châu Âu, giải phóng một loạt nước và tiến thẳng vào sào huyệt phát xít Đức tại Béc-lin. Ngày 09/5/1945, phát xít Đức đầu hàng vô điều kiện, chiến tranh kết thúc ở châu Âu. Ngày 08/8/1945, Hồng quân Liên Xô tiến công như vũ bão vào quân đội Nhật.

Ở trong nước, trải qua các cuộc diễn tập, đến năm 1945, phong trào cách mạng dâng cao. Ngày 09/3/1945, phát xít Nhật làm cuộc đảo chính hất cẳng Pháp. Ngay trong đêm đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng quyết định phát động một cao trào cách mạng làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa, thay đổi các hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh cho thích hợp. Tháng 3/1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

Tháng 4/1945, Trung ương triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, quyết định nhiều vấn đề quan trọng, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân. Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị tổ chức các Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp và chuẩn bị thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam.

Từ tháng 4/1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra mạnh mẽ, phong phú về nội dung và hình thức. Đầu tháng 5/1945, Bác Hồ từ Cao Bằng về Tuyên Quang, chọn Tân Trào làm căn cứ chỉ đạo cách mạng cả nước và chuẩn bị Đại hội quốc dân. Ngày 4/6/1945, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập, đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban chỉ huy lâm thời, trở thành căn cứ địa của cả nước.



Cuộc mít tinh phát động khởi nghĩa giành chính quyền do Mặt trận Việt Minh tổ chức.

Tháng 8/1945, Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) khẳng định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành độc lập đã tới” và quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương; đề ra ba nguyên tắc bảo đảm tổng khởi nghĩa thắng lợi, đó là: tập trung, thống nhất, kịp thời. 23 giờ ngày 13/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1 hiệu triệu toàn dân tổng khởi nghĩa.

Ngày 16/8/1945, Đại hội Quốc dân họp tại Tân Trào thông qua “10 chính sách lớn của Việt Minh”; thông qua “Lệnh tổng khởi nghĩa”; quy định quốc kỳ, quốc ca; thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Trung ương, tức Chính phủ Lâm thời do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi nhân dân cả nước tổng khởi nghĩa, trong đó chỉ rõ: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đồng loạt vùng dậy, tiến hành tổng khởi nghĩa, giành chính quyền. Từ ngày 14 đến ngày 18/8, cuộc tổng khởi nghĩa nổ ra giành được thắng lợi ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, đại bộ phận miền Trung, một phần miền Nam và ở các thị xã: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Hội An, Quảng Nam... Ngày 19/8, khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Hà Nội.

Sau thành công của Cách mạng Tháng Tám, ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, đưa nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, tự do, dân chủ. Thắng lợi vẻ vang của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là nguồn sức mạnh to lớn, là tiền đề quan trọng để dân tộc ta liên tiếp giành thắng lợi trong các cuộc kháng chiến cứu nước vĩ đại, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Với thắng lợi này, cách mạng nước ta chuyển sang một bước ngoặt mới, đưa nước ta trở thành một trong những nước đi tiên phong ở Đông Nam Á trong việc xây dựng chế độ mới – chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện hoài bão, ước mơ của bao thế hệ người Việt Nam.

Nguồn: Ban Công tác Thanh thiếu nhi, cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng tổng hợp

6. KỶ NIỆM 138 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH TÔN ĐỨC THẮNG (20/8/1888 – 20/8/2026)



Chân dung Chủ tịch Tôn Đức Thắng

Đồng chí Tôn Đức Thắng, sinh ngày 20/8/1888 trong một gia đình nông dân khá giả tại Cù lao Ông Hổ, làng Mỹ Hòa Hưng, Tổng Định Thành, tỉnh Long Xuyên (nay là xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

Năm 1906, sau khi học xong bậc sơ học ở trường tiểu học Long Xuyên, Tôn Đức Thắng rời quê lên Sài Gòn và đến với giai cấp công nhân đang trong quá trình hình thành. Truyền thống quật cường của quê hương đất nước và cuộc sống giai cấp công nhân đã rèn luyện tình yêu nước trong Tôn Đức Thắng. Từ đây, Tôn Đức Thắng đã hòa nhập phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp.

Tại Sài Gòn, Tôn Đức Thắng học việc và làm thợ ở nhiều nơi. Năm 1912, tổ chức cuộc bãi khóa của học sinh trường Cơ khí Á Châu (còn gọi là trường Bá Nghệ - nay là Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng) đòi thực hành quy chế của trường, chống đánh đập học sinh, phong trào này đã được công nhân Ba Son hưởng ứng.

Năm 1915 - 1917, học thợ máy ở trường Bá Nghệ, nhưng chưa học xong đã bị động viên sang Pháp làm lính thợ phục vụ chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Tôn Đức Thắng làm việc trên chiến hạm France, xưởng Arsenal, quân cảng Toulon.

Năm 1919, Tôn Đức Thắng bị điều động tới một đơn vị hải quân được lệnh tiến công Xêvaxtôpôn trên bờ Hắc Hải trấn áp nước Nga Xô Viết mới ra đời. Tôn Đức Thắng đã cùng các bạn lính thợ tham gia phản chiến bằng hành động kéo lá cờ đỏ lên cột cờ chiến hạm.

Năm 1920, sau cuộc binh biến, Tôn Đức Thắng bị trục xuất khỏi nước Pháp. Trở về Sài Gòn, Tôn Đức Thắng vận động những người có cùng chí hướng thành lập Công hội bí mật. Dưới sự lãnh đạo của Công hội mà đồng chí Tôn Đức Thắng là Hội Trưởng phong trào công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn phát triển mạnh mẽ, tiêu biểu là cuộc bãi công của công nhân ở Ba Son, tháng 8 năm 1925.

Năm 1926, đồng chí tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên - tổ chức tiền thân của Đảng.

Năm 1927, đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Thành bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Kỳ bộ Nam Kỳ.

Cuối năm 1929, đồng chí bị thực dân Pháp bắt trong vụ án Bac-bi-ê. Tòa án thực dân Pháp kết án 20 năm khổ sai, đày ra Côn Đảo.

Ngày 06/01/1946, trong cuộc tổng tuyển cử đầu tiên, đồng chí được nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn bầu làm đại biểu Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Năm 1947, đồng chí được cử làm Tổng thanh tra của Chính phủ và quyền Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Năm 1948, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị phát động phong trào thi đua ái quốc, đồng chí được bầu làm Trưởng Ban vận động thi đua ái quốc Trung ương.

Năm 1950, đồng chí được bầu làm Chủ tịch Hội hữu nghị Việt - Xô.

Năm 1951, đồng chí được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Được cử làm Phó Trưởng Ban Dân vận - Mặt trận Trung ương.

Năm 1955, được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tháng 7, được bầu là Chủ tịch danh dự Ủy ban Bảo vệ Hòa bình thế giới của Việt Nam và được Đại hội Hòa bình thế giới bầu làm Ủy viên Hòa bình thế giới. Ngày 20/9, kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa I bầu làm Trưởng Ban Thường trực Quốc hội.

Năm 1960, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa II, đồng chí được bầu làm Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Năm 1969, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, tại kỳ họp đặc biệt Quốc hội khóa III, đồng chí được bầu làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Năm 1976, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI - Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, đồng chí được bầu làm Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Cả cuộc đời cống hiến cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đồng chí Tôn Đức Thắng vinh dự được nhận Huân chương Sao vàng - Huân chương cao quý của nước Việt Nam, Huân chương Lênin của nước Nga Xô Viết, Huân chương Soukhe-Bator của nước Mông Cổ và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Đồng chí Tôn Đức Thắng, hiến dâng cả đời mình cho độc lập, tự do của dân tộc và cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, đồng chí là một hình ảnh trong sáng của tinh thần cách mạng bất khuất và đạo đức chí công vô tư, tác phong khiêm tốn, giản dị, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Đồng chí Tôn Đức Thắng là một gương mẫu đạo đức cách mạng: Suốt đời cần kiệm liêm chính, suốt đời hết lòng hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân”.

Do tuổi cao, sức yếu sau một thời gian bệnh nặng Người qua đời vào ngày 30/3/1980 tại Hà Nội và an táng tại Nghĩa trang Mai Dịch.

Nguồn: Ban Công tác Thanh thiếu nhi, cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng tổng hợp

7. KỶ NIỆM 115 NĂM NGÀY SINH ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP (25/8/1911 – 25/8/2026)



Đại tướng Võ Nguyên Giáp sinh ngày 25/8/1911, tại xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, trong một gia đình nhà nho giàu lòng yêu nước. Ông đã dẫn thân vào con đường cách mạng từ khi tuổi đời còn rất trẻ dưới sự dìu dắt của các bậc đàn anh và những người thầy ở Trường Quốc học Huế, tham gia các tổ chức yêu nước và cách mạng: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, trở thành Ủy viên Trung ương dự bị, phụ trách tuyên huấn và giao thông liên lạc của Tổng bộ Tân Việt Cách mạng Đảng. Võ Nguyên Giáp đã góp phần to lớn thúc đẩy tổ chức Tân Việt thành Đông Dương Cộng sản Liên đoàn - là một trong ba tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông đã bị thực dân Pháp kết án 2 năm tù vì tham gia ủng hộ phong trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh.

Tháng 4/1940 đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Võ Nguyên Giáp, ông và đồng chí Phạm Văn Đồng được đồng chí Hoàng Văn Thụ - Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ trực tiếp giao nhiệm vụ sang miền Nam Trung Quốc gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Đầu tháng 6/1940, tại Thúi Hồ - Côn Minh - Vân Nam (Trung Quốc), hai ông được gặp đồng chí Vương (tức lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc). Từ đây, Võ Nguyên Giáp được gần gũi, trở thành người học trò xuất sắc của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Nhận thấy ở Võ Nguyên Giáp có tài năng thiên bẩm về quân sự, cho nên sau thời gian thử thách, rèn luyện, tháng 12/1944, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã giao cho Võ Nguyên Giáp thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân - Đội quân chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Kể từ đây, Võ Nguyên Giáp giữ vai trò người chỉ huy cao nhất của Quân đội nhân dân Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, được sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Võ Nguyên Giáp, đội quân từ 34 chiến sĩ trở thành một đội quân cách mạng ngày càng lớn mạnh, từng bước đánh bại những quân đội nhà nghề, sừng sỏ, được trang bị những vũ khí chiến tranh tối tân, hiện đại thời bấy giờ, giành và giữ nền độc lập, tự do cho dân tộc, vẹn toàn lãnh thổ cho Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, trên cương vị Bí thư Trung ương Quân ủy, Tổng Chính ủy, Bí thư Tổng Quân ủy, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp quán triệt sâu sắc đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam từng bước lớn mạnh, trưởng thành, phát huy vai trò của quân đội cách mạng, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc; phát huy thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp, từng bước đánh bại các kế hoạch quân sự của địch. Đại tướng đã trực tiếp chỉ huy nhiều chiến dịch quan trọng, đánh dấu sự phát triển của cuộc kháng chiến như Biên Giới, Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào,... Đặc biệt trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, với tư duy quân sự sắc bén, với nhãn quan chiến lược sâu sắc, Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã thay đổi phương châm tác chiến từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”, để làm nên Chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đưa Đại tướng vào hàng danh tướng của thế giới.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên cương vị Phó Thủ tướng, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội, Đại tướng chỉ đạo quân, dân trên cả hai miền Nam, Bắc lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh những cố gắng quân sự cao nhất của Mỹ, nguy, lập nên những chiến công vang dội, như thắng lợi trong cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và mùa khô 1966 - 1967, Chiến dịch đường 9 - Nam Lào năm 1971, cuộc tiến công chiến lược năm 1972, hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, làm nên “Điện Biên Phủ trên không” trên bầu trời Hà Nội vào tháng 12/1972. Đặc biệt đại thắng mùa Xuân 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh đã lập nên mốc son chói lọi, kết thúc 30 năm chiến tranh cách mạng, giành lại trọn vẹn độc lập cho dân tộc, thống nhất cho non sông.

Đất nước hòa bình, thống nhất, Đại tướng đã cùng tập thể lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quân đội lãnh đạo toàn dân, toàn quân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tiến hành công cuộc đổi mới đất nước. Năm 1991, Đại tướng nghỉ hưu ở tuổi 80. Với những công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, uy tín lớn trong và ngoài nước, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng và nhiều Huân, Huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.

Các thế hệ cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam suy tôn ông là người “Anh Cả” của quân đội. Bộ đội do ông lãnh đạo, chỉ huy được nhân dân yêu mến gọi là “Bộ đội Cụ Hồ”, đó là niềm tự hào, là sự kiêu hãnh mà không phải quân đội nào trên thế giới cũng có được.

Hình ảnh và những cống hiến đặc biệt xuất sắc của Đại tướng đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc luôn sống mãi với non sông, đất nước, trong lòng nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế, đúng như khẳng định của đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng: “Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đánh giá cao công lao của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Con người, nhân cách và những cống hiến to lớn của đồng chí in đậm trong lòng nhân dân, là vị tướng của nhân dân, mãi mãi lưu danh trong lịch sử dân tộc.